TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SYT** **TỈNH QT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **206/**2023 /HNGĐ-ST.
Ngày 12/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SYT, TỈNH QT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vinh và bà Lộc Thị Kim Thơm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SYT, tỉnh QT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SYT, tỉnh QT tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SYT, tỉnh QT xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **LTL**, sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: Thôn LT, xã TH, huyện HY, tỉnh QT; nơi tạm trú: Thôn E, xã PN, huyện SYT, tỉnh QT. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- *Bị đơn:* Anh **BVD**, sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT: Thôn LT, xã TH, huyện HY, tỉnh QT; nơi tạm trú: Thôn E, xã PN, huyện SYT, tỉnh QT. *Vắng mặt đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị LTL trình bày: Chị và anh BVD kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PN, huyện SYT, tỉnh QT vào ngày 28/12/2008. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D tại thôn LT, xã TH, huyện HY, tỉnh QT. Quán trình chung sống, thời gian đầu không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi, chửi, đánh nhau, sau đó hai vợ chồng chuyển về Thôn E, xã PN, huyện SYT sinh sống nhưng

mâu thuẫn vẫn không được khắc phục, đến năm 2020 anh D lấy lý do đi làm ăn xa, ít khi về nhà, nên mâu thuẫn xảy ra càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh D đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị LTL xác định, chị và anh BVD có 02 con chung là cháu BAN, sinh ngày 15/01/2010 và cháu BTĐ, sinh ngày 21/9/2013, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị L. Chị L đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung, không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị L xác định, chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh BVD đến để giải quyết vụ án nhưng anh D đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn LT, xã TH, huyện HY, tỉnh QT; đăng ký tạm trú tại Thôn E, xã PN, huyện SYT, tỉnh QT. Theo cung cấp của đại diện thôn LT, xã TH, huyện HY; đại diện Thôn E, xã PN, huyện SYT và bố mẹ đẻ anh BVD thì việc chị L và anh D kết hôn với nhau như chị L đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị L, anh D sinh sống tại thôn LT, xã TH, huyện HY, đến khoảng năm 2022 thì cả hai vợ chồng và các con chuyển về làm ăn, sinh sống tại Thôn E, xã PN, huyện SYT, tỉnh QT. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Hiện nay anh D đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về địa phương và thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn xác định có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh D nhưng anh D không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SYT phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại

phiên họp, phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTL xử cho chị LTL được ly hôn với anh BVD.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao 02 con chung là cháu BAN, sinh ngày 15/01/2010 và cháu BTĐ, sinh ngày 21/9/2013 cho chị LTL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh BVD không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định, chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị LTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (Bản sao); Căn cước công dân của đương sự (bản phô tô có chứng thực); Giấy khai sinh của con chung (Bản phô tô có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai nguyên đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại Thôn E, xã PN; Công an xã PN, huyện SYT, tỉnh QT; xác minh tại thôn LT, xã TH; Công an xã TH, huyện HY, tỉnh QT; tiến hành ghi ý kiến của con chưa thành niên; ý kiến của bố mẹ anh D; ý kiến của mẹ chị L.

Chị LTL có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh D nhiều lần không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị LTL và anh BVD kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp; chị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung với anh D nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh BVD có đăng ký tạm trú và cư trú tại xã PN, huyện SYT, tỉnh QT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện SYT, tỉnh QT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh BVD có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn LT, xã TH, huyện HY, tỉnh QT; đăng ký tạm trú tại Thôn E, xã PN, huyện SYT, tỉnh QT. Hiện nay anh D đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới cho địa phương và gia đình biết nên hiện không rõ anh D cư trú ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến làm việc, chính quyền địa phương và gia đình đã thông báo cho anh D biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh D vẫn không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện SYT đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh BVD vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh tại địa phương và thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị LTL và anh BVD kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân, không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, từ năm 2020 anh D thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không quan tâm đến vợ con; chị L xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với anh D; cả hai bên không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị LTL được ly hôn với anh BVD.

[2.2] *Về con chung:*

Chị LTL và anh BVD có 02 con chung là cháu BAN, sinh ngày 15/01/2010 và cháu BTĐ, sinh ngày 21/9/2013. Chị L đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung, không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn LT, xã TH, huyện HY, tỉnh QT và tại Thôn E, xã PN, huyện SYT, tỉnh QT thì hiện nay chị LTL và các con đang sinh sống

tại Thôn E, xã PN, huyện SYT, chị L được bố mẹ cho đất ở và nhà, có chỗ ở ổn định; chị L hiện làm nghề tự do (bán hàng tạp hóa và quần áo), ngoài ra còn làm ruộng, vườn, mức thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng; thực tế từ thời điểm hai vợ chồng sống ly thân anh D ít khi về thăm con, không gửi tiền nuôi con, trong suốt thời gian trên cháu BAN và BTĐ ở cùng chị L vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, được đi học đúng độ tuổi, chị L đảm bảo các điều kiện để nuôi con. Còn đối với anh BVD thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở ổn định, nên không đảm bảo các điều kiện để nuôi con chung; mặt khác ý kiến của cháu BAN và BTĐ đều có nguyện vọng được ở cùng chị LTL; cháu Ánh và cháu Đạt ở cùng chị L đã quen môi trường sống và học tập.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu BAN và BTĐ và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con, cần giao các con chung cho chị LTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với nguyện vọng của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng, nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị LTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh BVD không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị LTL với anh BVD.

1. Về hôn nhân: Cho chị LTL được ly hôn với anh BVD. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu BAN, sinh ngày 15/01/2010 và cháu BTĐ, sinh ngày 21/9/2013 cho chị LTL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh BVD không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị LTL phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006251, ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SYT, chị LTL đã nộp đủ tiền án phí.

Anh BVD không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- VKSND huyện SYT;
- Chi cục THADS huyện SYT;
- UBND xã PN (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Hà Thị Vinh – Lộc Thị Kim Thơm	**Vũ Mạnh Hồng**